

Bản án số: 1823/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15/10/2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhơn

2. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Trang là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Hoàng Anh – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 552/2019/TLST-HNGĐ ngày 25/3/2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 307/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/08/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 237/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25/9/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X; cư trú tại: Số nhà A, đường Q, Phường H, quận B, Thành phố H.

Bị đơn: Ông Lê N; cư trú tại: Số nhà 105/9, đường Bình Quới, Phường 27, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/2019, bản tự khai, nguyên đơn trình bày: bà và ông Lê N chung sống với nhau từ năm 1994, đăng ký kết hôn tại UBND Phường M, quận P, Thành phố H theo giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 01/98, ngày 04 tháng 9 năm 1998. Trong thời gian sống chung ông, bà có những bất đồng trong quan điểm cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến không hạnh phúc trong nhiều năm qua. Từ năm 2009, do ông N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng hơn. Mặc dù đã cố gắng để hòa giải nhưng ông bà không hàn gắn được tình cảm và đã ly thân được 08 năm. Nhận thấy, mục đích của hôn nhân không

đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Lê K sinh ngày 07/8/1995 và Lê V sinh ngày 02/11/2001. Bà yêu cầu được nuôi trẻ V và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án nhân dân quận Bình Thạnh đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Lê N đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Đại diện VKSND quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Ngoại trừ việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông N, nhưng bị đơn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, nên trong suốt quá trình giải quyết vụ án không ghi nhận được ý kiến phản hồi của bị đơn về các nội dung trong khởi kiện của bà X. Điều đó thể hiện thái độ thờ ơ, không xem trọng mối quan hệ hôn nhân gia đình hay mong muốn hàn gắn tình cảm của bị đơn với nguyên đơn nên căn cứ Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về việc ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 277, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về nội dung:

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, thấy căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 01/98, ngày 04 tháng 9 năm 1998 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận P, Thành phố H cấp cho bà Nguyễn Thị X và ông Lê N thể hiện quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Trong quá trình Tòa giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày đôi bên đã ly thân 08 năm, bị đơn không đến Tòa để tham gia các phiên hòa giải, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn. Điều đó chứng tỏ bị đơn không quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng, xây dựng hạnh phúc gia đình và đôi bên đã mâu thuẫn với nhau. Nhận thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng lẫn nhau và cùng mong muốn xây dựng hạnh phúc gia đình thì mục đích hôn nhân mới đạt được. Hiện mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là Lê K sinh ngày 07/8/1995 và Lê V sinh ngày 02/11/2001. Nguyên đơn yêu cầu được nuôi trẻ V, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con và trẻ V cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị X:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị X được ly hôn với ông Lê N.

- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ Lê V sinh ngày 02/11/2001. Bà X không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng bà Nguyễn Thị X phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0020586 ngày 25/03/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà X đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Bình Thạnh ;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- UBND P. M, Q. P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh